

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày 02/03/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị T và Bà Lò Thị Ly S .

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Viết T - Kiểm sát viên.

Ngày 02/03/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS ngày 16/02/2021 đối với bị cáo:

Tặng Văn L , sinh năm: 1969. Nơi cư trú: Bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Bố: Tặng Phúc Triu (Đã chết). Mẹ: Tặng Thị S , sinh năm 1950. Vợ: Triệu Thị L , sinh năm 1967. Có 05 người con lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1996. Nơi ở: Bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ ngày 22/9/2020, tạm giam ngày 25/9/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 6 giờ ngày 22/9/2020, bị cáo điều khiển xe máy biển kiểm soát 36H5-843 lên bản Pù Quăn, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa để mời mẹ và anh em họ hàng xuống nhà bị cáo ăn cơm lúa mới, sau khi mời mọi người

xong, khoảng 7 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo điều khiển xe máy đi về nhà, về đến khu vực bản Cá Tóp, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa thì bị cáo gặp một người phụ nữ dân tộc Mông, không rõ tên, tuổi địa chỉ đang đi trên đường. Thấy vậy bị cáo hỏi và mua 01 (một) gói nilon màu hồng, bên trong đựng 04 (bốn) gói nhỏ Heroin với số tiền là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy bị cáo giấu trong cán gố của 01 (một) con dao quắm mang theo, bị cáo để dao quắm trên xe và tiếp tục điều khiển xe máy về nhà. Khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo đến bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa thì bị tổ công tác của Đoàn biên phòng Pù Nhi, BĐBP tỉnh Thanh Hóa phát hiện bị cáo có biểu hiện nghi vấn nên ra tín hiệu yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Qua kiểm tra người, phương tiện và một con dao quắm thì phát hiện trong cán dao quắm có một túi nilon màu hồng đựng bên trong là 04 gói nhỏ, trong các gói nhỏ chứa các chất bột màu trắng dạng cục vụn. Tổ công tác tiến hành thu giữ các đồ vật liên quan, tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo và niêm phong vật chứng.

Tại bản kết luận giám định số 2639/PC09 ngày 24/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận vật chứng thu giữ của bị cáo gồm:

- *Chất bột màu trắng dạng cục vụn của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,248g (không thấy hai bốn tám gam) loại: Heroine*

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKS-ML ngày 15/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải và công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên: Bị cáo phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về điều luật: Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điểm c khoản 1 điều 249 của BLHS.

Xử phạt bị cáo, hình phạt chính: Từ **14** đến **16** tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, vì bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp và không ổn định, là người nghiện chất ma túy, nên không có tính thực thi.

Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận, biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật và bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do nghiện chất ma túy, không tìm chế được bản thân nên mua ma túy về sử dụng. Bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Ý kiến người bào chữa: Tại phiên tòa, người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Cho rằng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống bằng nghề trồng trọt tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, bản thân trở thành công dân có ích.

Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là

hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo tàng trữ lượng ma túy **0,248g** (*Không thấy hai bốn tám gam*) Heroine nhằm mục đích cất giữ để sử dụng là nguy hiểm cho bản thân và xã hội, vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà Nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Với hành vi, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo; Trọng lượng ma túy bị cáo tàng trữ đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 BLHS, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

[4] *Xét về hình phạt:* Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Thấy rằng, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp và không ổn định. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] *Xét về vật chứng trong vụ án:*

Số ma túy tang vật vụ án thu giữ của bị cáo còn lại sau khi giám định là chất Nhà nước Việt nam cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy; Con dao quắm có chiều dài khoảng 47 cm, có cán bằng gỗ dài khoảng 16 cm, tại phiên tòa, bị cáo xác định dao đã cũ không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Xe máy nhãn hiệu HONDA - WAVE, màu xanh đen, biển kiểm soát 36H5 – 8435, số khung HC 08032Y218081, số máy HC 08E 0217755. Tại phiên tòa bị cáo khai là xe của con rể bị cáo, tên Trần Văn Thủy, sinh ngày 20/11/1987. Địa chỉ: Bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa nên trả lại cho anh Thủy.

Điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA (máy đã qua sử dụng), số IMEL 355862/01/717678/9, kèm theo sim điện thoại số SERI 8984048000033572755 thu giữ của Tăng Văn Lộ, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo; 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền Việt Nam không phải do bị cáo phạm tội mà có, nên trả lại cho bị cáo.

[6] *Xét về phần án phí và quyền kháng cáo*: Xét thấy, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí HSST cho bị cáo; bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] *Các nhận định khác*:

Đối với người đàn ông, dân tộc Mông đã mua ma túy cho bị cáo, bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, sự việc diễn ra lại không ai chứng kiến. Nên Cơ quan CSĐT không đủ cơ sở để xác minh để xử lý đối với người này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về tội danh: Tuyên: Tăng Văn L phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Về điều luật: Áp dụng: Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm c khoản 1 điều 249; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử bị cáo **14** (*Mười bốn*) Tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ (22/9/2020).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về tang vật: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thanh hóa giám định ghi vụ: Tăng Văn Lộ, được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của: Nguyễn Trần Đăng; Lại Thị Thanh Loan; Trần Anh Tuấn. Phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ;01 (một) dao quắm có chiều dài khoảng 47 (*bốn bảy*) cm, có cán bằng gỗ dài khoảng 16 (*mười sáu*) cm.

Trả lại cho bị cáo:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA (máy đã qua sử dụng), Số IMEL 355862/01/717678/9, kèm theo sim điện thoại số SERI 8984048000033572755 thu giữ của Tăng Văn Lộ.

- Số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Trả lại cho: Anh Trần Văn T, sinh ngày 20/11/1987. Địa chỉ: Bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA -

WAVE, màu xanh đen, biển kiểm soát 36H5 – 8435, số khung HC 08032Y218081, số máy HC 08E 0217755.

Vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại kho tàng vật Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, theo Quyết định chuyển vật chứng số: 06/QĐ-VKS-ML, ngày 17/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận vật chứng số: 20/TV-CCTHADS ngày 18/12/2020 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Miễn tiền án phí HSST cho bị cáo .

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THAHS TAND T. T.Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan THAHS-CA Mường Lát;
- Trại TG-CA tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Pù Nhi, huyện Mường Lát;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T